TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn PX, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện chị M đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể).

Chị M ủy quyền cho chị Hoàng Thị H, sinh năm 2002; Địa chỉ: phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương giao nhận các tài liệu với Tòa án (văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 11 năm 2024, không triệu tập).

2. Bị đơn: Anh Mai Xuân H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi thường trú và địa chỉ cuối cùng của anh H ở Việt Nam: tổ dân phố P, thị trấn PX, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện anh H đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Văn S, sinh năm 1969 (vắng mặt);
- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: tổ dân phố P, thị trấn PX, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn - chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 13/6/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PX, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu và chung sống hòa thuận được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, các nuôi dạy con và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp nhau, dần dần không còn tình cảm. Khoảng tháng 5 năm 2022, chị đi lao động tại Đài Loan nên ít liên lạc với nhau và ly thân từ đó đến nay. Đến tháng 07 năm 2024, anh H đi lao động tại Đài Loan nhưng hai anh chị không gặp nhau, lâu dần không còn liên lạc và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Mai Xuân H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Mai Thùy L, sinh ngày 29/4/2017 và cháu Mai Ngọc A, sinh ngày 23/6/2021. Hiện cả hai con chung đang sống cùng với ông, bà nội là ông Mai Văn S và bà Nguyễn Thị D. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng giao cho anh Mai Xuân H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Do anh H đang lao động tại nước ngoài nên chị đề nghị tạm giao cháu L và cháu A cho ông S và bà D nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh H với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do điều kiện công việc bận chị không thể đến làm việc với Tòa án được nên chị đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị ủy quyền cho chị Hoàng Thị H giao nhận các tài liệu với Tòa án.

Anh Mai Xuân H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 22/01/2025 và ngày 20/02/2025, ông Mai Văn S và bà Nguyễn Thị D là bố mẹ đẻ của anh Mai Xuân H trình bày: Anh H là con trai, chị M là con dâu ông bà. Anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PX, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị M về nhà ông bà làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Anh

chị chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau khoảng 06 năm thì anh, chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, chị nói là do bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, thường xuyên cãi vã nên không còn tình cảm. Giữa năm 2022, chị M đi lao động tại Đài Loan và anh chị ly thân nhau từ đó đến nay. Đến năm 2024, anh H cũng sang Đài Loan lao động nhưng anh chị không gặp nhau, không liên lạc và quan tâm nhau. Ông bà có khuyên bảo anh, chị về ở với nhau để chăm sóc con cái nhưng không được. Anh, chị có 02 con chung là cháu Mai Thùy L, sinh ngày 29/4/2017 và cháu Mai Ngọc A, sinh ngày 23/5/2021. Hiện cả hai cháu đang sống cùng ông bà. Việc chị M đề nghị giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng thì ông bà đồng ý, ông bà đề nghị Tòa án giao cháu L và cháu A cho anh H nuôi dưỡng thì ông, bà đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và cháu A trong thời gian anh H ở nước ngoài. Ông, bà không yêu cầu chị M, anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu A trong thời gian ông, bà nuôi dưỡng các cháu vì cho rằng đó là quyền cũng như nghĩa vụ của ông bà với các cháu. Tài sản, công nợ của chung của anh, chị thì ông bà không rõ.

Ngoài ra, ông, bà trình bày do ông, bà bận công việc nên không thể đến Tòa án để tham tố tụng nên ông, bà đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nói trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2025, cháu Mai Thùy L trình bày: Cháu hiện đang sinh sống cùng bố và ông bà nội tại tổ dân phố P, thị trấn PX, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống cháu được bố và ông bà chăm sóc chu đáo, cẩn thận, được đưa đi học đầy đủ, được nấu cơm cho ăn, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Bố cháu vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm tình hình học tập, sức khỏe của cháu. Do cháu sinh sống cùng bố và ông bà đang ổn định nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn sinh sống cùng bố và ông bà nội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị M, ông Mai Văn S và bà Nguyễn Thị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Mai Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Lê Thị M, biên bản lấy lời khai ông Mai Văn S và bà Nguyễn Thị D, cháu Mai Thùy L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn - chị Lê Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn S, bà Nguyễn Thị D có

đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn - anh Mai Xuân H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, 110, 116, 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Mai Xuân H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Mai Thùy L, sinh ngày 29/4/2017 và cháu Mai Ngọc A, sinh ngày 23/5/2021 cho anh Mai Xuân H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho ông Mai Văn S và bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng trong thời gian anh H ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh H với mức cấp dưỡng 2.000.000/ 01 tháng/ 01 cháu; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hình thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Mai Xuân H và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn trả lời số 2068/QLXNC-P3 ngày 05/02/2025 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh H xuất cảnh ngày 14/5/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định anh H hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh H là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về việc vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn chị Lê Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn S, bà Nguyễn Thị D xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị M, ông Mai Văn S, bà Nguyễn Thị D.

Đối với bị đơn anh Mai Xuân H: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông S và bà D (là bố, mẹ đẻ anh H), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh H trước khi xuất cảnh ở tổ dân phố Phồn Xương, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh H thông qua người thân của anh H là ông Mai Văn S, bà Nguyễn Thị D (bố mẹ đẻ anh H) và đề nghị ông S, bà D thông báo cho anh H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Lê Thị M và bị đơn là anh Mai Xuân H. Ông S, bà D cho biết anh H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh H không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh H tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Mai Xuân H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/06/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PX, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khoảng 06 năm chung sống, vợ chồng chị M, anh H phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Mai Xuân H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị M đối với anh Mai Xuân H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M và anh H chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 06 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã không thể hàn gắn được. Từ năm 2022 đến nay, chị M, anh H không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị M, anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh H, xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Mai Xuân H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5]. Về nuôi con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là cháu Mai Thùy L, sinh ngày 29/4/2017 và cháu Mai Ngọc A, sinh ngày 23/5/2021. Sau

khi ly hôn chị M có nguyện vọng giao cho anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L và cháu A và đề nghị tạm giao cháu L, cháu A cho ông Mai Văn S và Nguyễn Thị D (là bố mẹ đẻ anh H) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H ở nước ngoài.

Xét điều kiện, hoàn cảnh về nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Chị M và anh H đều đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài do vậy không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên, từ khi chị M, anh H đi lao động ở nước ngoài, cháu L và cháu A vẫn được ông S, bà D chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ông S và bà D đều đề nghị giao cháu L, cháu A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cháu L, cháu A cho ông, bà nuôi dưỡng trong thời gian anh H ở nước ngoài. Cháu L trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh H và ông S, bà D nếu bố, mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào điều kiện thực tế và để đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cháu L, cháu A cũng như nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đề nghị của chị M giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc Linh, cháu A đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật sau khi ly hôn. Do hiện nay anh H đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu L, cháu A cho ông Mai Văn S và bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng cho đến khi anh Mai Xuân H về Việt Nam sinh sống là phù hợp điều kiện thực tế cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị M không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Lê Thị M về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh H với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị M cho anh H với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ 01tháng/ 01 cháu. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm là tháng 5/2025 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[7].Về tài sản, công nợ chung: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8].Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Lê Thị M, bị đơn anh Mai Xuân H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn S, bà Nguyễn Thị D đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117; khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Mai Xuân H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Mai Thùy L, sinh ngày 29/4/2017 và cháu Mai Ngọc A, sinh ngày 23/5/2021 cho anh Mai Xuân H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Mai Thùy L và cháu Mai Ngọc A cho ông Mai Văn S và bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng cho đến khi anh Mai Xuân H về nước sinh sống hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn chị Lê Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị Lê Thị M nuôi 02 con chung cùng anh Mai Xuân H với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/01 tháng/01 cháu. Phương thức cấp dưỡng theo tháng và

thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2025 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000345 ngày 21/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Lê Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị M, anh Mai Xuân H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Mai Văn S, bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND thị trấn PX, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương